

Bản án số: **123/2017/HSST**,
Ngày: 08/12/2017.

Vụ án: Văn Ngọc T,
phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nam Hải,

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Thuận Quang,
2. Bà Lê Thị Kim Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Văn Ngọc T, giới tính: nữ, sinh năm: 1991, tại Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 358 Thôn A, thị trấn B, huyện B, Tỉnh Long An; nơi cư trú: 358 Thôn A, thị trấn B, huyện B, Tỉnh Long An; dân tộc: Kinh; tôn giáo: /; quốc tịch: Việt Nam; số chứng minh nhân dân: /, ngày cấp: /, nơi cấp: /; nghề nghiệp: /; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; con ông Văn Công Tấn T, sinh năm 1967, và bà Phạm Lan C, sinh năm 1969; bị cáo có chồng Lê Hoàng G, sinh năm 1987 (không đăng ký kết hôn); có ba con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2013/HSST ngày 03/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, xử phạt Văn Ngọc T 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 12/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, xử phạt Văn Ngọc T 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 01/2013/HSST ngày 03/01/2013, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 06 tháng tù.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt Văn Ngọc T 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 12/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, buộc chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 29/8/2017 (có mặt).

* *Người bị hại*: Chị Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1989; địa chỉ: 168/25/2 LTC, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Văn Ngọc T bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 29 tháng 8 năm 2017, bị cáo Văn Ngọc T từ nhà tại tỉnh Long An, đến Chợ PL số 54B đường Bà Hom, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt.

Khi đến trước sạp số 260 chợ PL, bị cáo nhìn thấy chị Nguyễn Ngọc X đang mua giày dép. Bị cáo áp sát chị X, giả vờ mua giày dép, đồng thời dùng tay phải luồn xuống phía dưới, thò tay vào túi quần bên phải phía trước của chị X và móc lấy tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng. Chị X phát hiện và cùng quần chúng nhân dân bắt giữ cùng vật chứng chuyển cơ quan Công an xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 116/CTr-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đã truy tố bị cáo Văn Ngọc T, về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, điều luật theo quy định của Bộ luật hình sự. Bị cáo trộm cắp tài sản của người bị hại trị giá 500.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả lại ngay cho người bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, theo quy định khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Văn Ngọc T mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án; phần dân sự đã giải quyết xong; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, vì bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của

Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử xét:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản về việc bắt người phạm tội quả tang, lời khai người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Ngọc X, bị cáo là người thực hành, là người trực tiếp trộm cắp tài sản của chị X số tiền 500.000 đồng.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Văn Ngọc T phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt có giá trị 500.000 đồng, chưa đến mức khởi điểm quy định về giá trị tài sản chiếm đoạt 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2013/HSST ngày 03/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, về tội “Trộm cắp tài sản”; bản án hình sự sơ thẩm thứ hai số 07/2014/HSST ngày 12/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 01/2013/HSST ngày 03/01/2013, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 06 tháng tù; và bản án hình sự sơ thẩm thứ ba số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 12/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An, buộc chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 03 năm 06 tháng tù.

Đối với bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt

chung là 03 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa chấp hành án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trong vụ án này, do vậy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này và tổng hợp với hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: trường hợp phạm tội của bị cáo không thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm” theo quy định điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, vì các tiền án nêu trên của bị cáo là tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét hành vi liên tục phạm tội của bị cáo tại bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 25/12/2016, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc ví của chị Phan Dạ Lan C, bên trong ví có 610.000 đồng và một số tài sản khác tại Siêu thị Aeon số 30 BTT, phường 1, quận P; được gia đình bảo lãnh về chờ xử lý thì đến 11 giờ ngày 08/01/2017, bị cáo tiếp tục đi từ Long An đến Siêu thị Big C số 53 N, phường 2, Quận P, trộm cắp chiếc ví của chị Nguyễn Thị Hồng H, bên trong ví có 3.700.000 đồng, một điện thoại di động Iphone 7 trị giá 21.000.000 đồng; bị cáo được cho tại ngoại chờ Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, nhưng đến ngày 29/8/2017 lại tiếp tục đi từ Tỉnh Long An đến Thành phố Hồ Chí Minh, phạm tội trong vụ án này tại Chợ Phú Lâm, Quận 6.

Hội đồng xét xử xét, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo thực hiện, nhưng do bản chất không chịu lao động lương thiện, mong muốn sống bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác, liên tục phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật về hình sự, cần thiết áp dụng hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự, quy định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét bị cáo hiện không có nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: chị Nguyễn Ngọc X đã nhận lại số tiền 500.000 đồng, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Văn Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 138, khoản 3 Điều 8, Điều 33, Điều 51, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009;

điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;

Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo **Văn Ngọc T** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 139/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Văn Ngọc T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (Năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 8 năm 2017.

Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; tiểu mục I.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Bị cáo Văn Ngọc T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003:

Bị cáo Văn Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Công an Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (để thi hành);
- Trại tạm giam Công an Quận 6;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nam Hải